

Thứ tư, ngày 22 tháng 1 năm 2020

Vietnam Daily Review

Vượt mốc 990 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/1/2020		●	
Tuần 20/1-24/1/2020		●	
Tháng 1/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Duy trì được sự tích cực trong cả hai phiên sáng và chiều, VN-Index tăng điểm tích cực để vượt mốc 990 điểm trong phiên cuối năm. Các mã cổ phiếu bluechips như VHM, BID, HPG, CTG, BVH là các nhân tố nâng đỡ chỉ số. Tâm lý hưng khởi của thị trường cũng phần nào phản ánh thông tin tích cực về nền kinh tế vĩ mô. Theo thông cáo chính thức, Ủy ban Thương mại EU đã phê chuẩn EVFTA và EVIPA và sẽ bỏ phiếu hai nghị định này vào giữa tháng tới. Theo đó, thỏa thuận thương mại EVFTA sẽ có hiệu lực từ tháng 3. Như đã đề cập trong báo cáo đánh giá ảnh hưởng của EVFTA, BSC có lưu ý về ngành Dệt may, Thủy sản và Cảng biển sẽ được hưởng lợi. Nhà đầu tư có thể tham khảo báo cáo tại **đây**.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 22/1/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm, trái chiều cùng chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.

Danh mục i-Invest: Theme Chiến tranh thương mại 2.2%. 20/20 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Chiến tranh thương mại** - kỳ vọng KQKD tích cực và tăng trưởng nhờ căng thẳng chiến tranh thương mại - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.2%**, con số này của VNINDEX là 0.5%

Phân tích kỹ thuật: TNG_Phiên bút phá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **+5.09 điểm**, đóng cửa 991.46. HNX-Index **+0.69 điểm**, đóng cửa 106.28.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+1.85); BID (+1.80); HPG (+0.37); CTG (+0.33); BVH (+0.24)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.64); MSN (-0.36); MWG (-0.10); MBB (-0.10); E1VFN30 (-0.09)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,547 tỷ đồng**, -5% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 7.54 điểm. Thị trường có 231 mã tăng, 69 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **78.86 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm HPG (104.94 tỷ), VHM (17.95 tỷ) và HSG (13.31 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **2.76 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

991.46

Giá trị: 2547.51 tỷ

5.09 (0.52%)

Khối ngoại (ròng): 78.86 tỷ

HNX-INDEX

106.28

Giá trị: 235.89 tỷ

0.69 (0.65%)

Khối ngoại (ròng): 2.76 tỷ

UPCOM-INDEX

56.22

Giá trị: 157.72 tỷ

0.26 (0.46%)

Khối ngoại(ròng): 24.62 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.1	-0.51%
Giá vàng	1,556	-0.13%
Tỷ giá USD/VND	23,171	
Tỷ giá EUR/VND	25,696	0.02%
Tỷ giá JPY/VND	21,070	-0.08%
LS liên NH 1 tháng	3.2%	0.00%
LS TPCP 5 năm	1.9%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	105.0	VIC	21.1
VHM	17.9	VJC	21.1
HSG	13.5	MSN	14.9
STB	7.1	VRE	13.3
VNM	6.3	POW	12.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **20/20 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Chiến tranh thương mại** - kỳ vọng KQKD tích cực và tăng trưởng nhờ căng thẳng chiến tranh thương mại - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.2%**, con số này của VNINDEX là 0.5%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **5/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **3/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_2.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Chiến tranh thương mại	2.2%	2.5%	1.7%	-6.2%	-9.6%	4.5%	14.1%	15.4%
Lãi suất giảm	2.0%	3.1%	5.5%	-3.8%	-4.4%	4.7%	52.9%	17.8%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.3%	2.2%	1.8%	-3.8%	-10.5%	-5.2%	41.7%	21.0%
Xây dựng	1.0%	4.8%	2.5%	-10.6%	-12.9%	-13.4%	18.8%	18.0%
Vật liệu Xây dựng	0.7%	2.1%	2.7%	-2.1%	0.5%	13.7%	11.3%	18.6%
FTSE Việt Nam	0.5%	2.0%	3.3%	-0.6%	0.2%	10.3%	87.7%	14.8%
BDS & Khu công nghiệp	0.5%	-0.4%	0.0%	-4.1%	-2.9%	7.4%	58.5%	16.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.5%	1.4%	3.0%	-1.4%	-1.7%	9.0%	78.2%	13.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.4%	1.6%	-0.7%	1.5%	-3.8%	12.4%	43.6%	14.4%
Ngân hàng	0.4%	6.0%	11.1%	9.6%	19.9%	33.7%	101.2%	22.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.4%	2.5%	5.6%	-0.4%	6.6%	17.9%	66.6%	15.1%
Nước & Năng lượng	0.3%	2.3%	-1.5%	-4.6%	-6.9%	4.0%	43.1%	14.3%
VN Diamond	0.3%	3.4%	5.9%	-1.4%	12.0%	23.2%	71.9%	16.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.3%	3.0%	4.7%	-1.8%	10.4%	22.3%	76.0%	17.2%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.2%	3.4%	7.5%	3.1%	15.3%	40.3%	112.3%	19.2%
Hàng tiêu dùng	0.2%	2.0%	3.7%	-10.1%	-4.7%	5.4%	58.3%	17.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.2%	2.9%	4.0%	-4.0%	2.3%	9.8%	56.7%	14.4%
VN FinSelect	0.2%	4.7%	8.5%	3.6%	11.4%	17.4%	47.9%	18.0%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.1%	5.5%	9.8%	4.8%	14.1%	21.7%	53.9%	19.5%
Dầu khí	0.1%	3.0%	-0.7%	-6.2%	-13.1%	2.8%	18.5%	22.7%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 12	0.6%	2.1%	3.4%	0.5%	4.3%	23.8%	75.5%	18.4%
Danh mục 18	0.5%	2.2%	2.0%	2.8%	-1.4%	8.6%	124.5%	17.9%
Danh mục 5	0.2%	1.6%	2.0%	-2.1%	-1.3%	16.9%	63.9%	17.1%
Danh mục 3	-0.8%	2.8%	2.9%	-0.8%	8.9%	25.2%	72.0%	18.2%
Danh mục 2	-0.9%	2.1%	2.7%	-3.4%	0.2%	16.1%	108.9%	16.1%
* Note	5/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày khả quan							

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 24	0.5%	2.0%	1.7%	-4.9%	-2.8%	25.4%	91.7%	20.1%
Danh mục 25	0.1%	2.4%	5.2%	-1.3%	8.2%	29.2%	105.7%	16.8%
Danh mục 23	0.1%	3.6%	3.0%	-0.5%	0.4%	19.7%	64.3%	17.0%
Danh mục 21	-0.3%	2.7%	4.8%	-1.3%	7.8%	21.4%	62.1%	15.6%
Danh mục 19	-0.4%	0.8%	2.2%	-1.9%	6.9%	23.5%	60.5%	15.2%
* Note	3/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày khả quan							

INDEX								
VNINDEX	0.5%	2.5%	3.3%	-0.2%	-0.2%	9.9%	44.3%	15.3%
VN30INDEX	0.3%	2.7%	4.7%	-1.7%	2.4%	6.4%	41.3%	15.7%

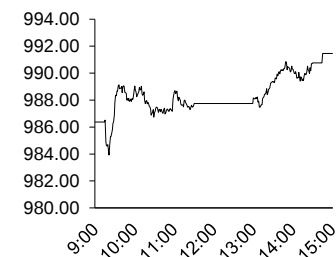
*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#login>

BSC RESEARCH
1/22/2020
Vietnam Daily Review

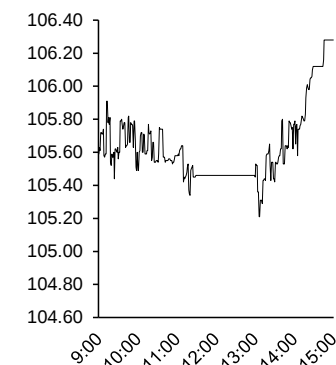
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	6.9%
Tài nguyên Cơ bản	1.8%
Công nghệ Thông tin	1.7%
Bảo hiểm	1.6%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.5%
Hóa chất	1.2%
Ô tô và phụ tùng	0.8%
Bất động sản	0.8%
Dịch vụ tài chính	0.7%
Dầu khí	0.7%
Xây dựng và Vật liệu	0.6%
Ngân hàng	0.6%
Truyền thông	0.5%
Y tế	0.2%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.0%
Du lịch và Giải trí	-0.1%
Thực phẩm và đồ uống	-0.1%
Bán lẻ	-0.6%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

TNG_Phiên bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: TNG đang có dấu hiệu hồi phục khá tích cực sau khi tích lũy ngắn hạn quanh vùng giá 15-16. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt mức trung bình 20 phiên trong các phiên hồi phục gần nhất, cho thấy động lực tăng đang mạnh dần. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều đang cho thấy tín hiệu tích cực ủng hộ xu hướng tăng giá này. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế mua tại ngưỡng giá 16-17, chốt lãi tại ngưỡng kháng cự cũ 20 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PT KT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ.

Rủi ro Đầu tư

Rủi ro về việc tuyển dụng nguồn nhân lực cho nhà máy mới.

Rủi ro về việc các khách hàng EU dịch chuyển đơn hàng sang các nước có chi phí sản xuất thấp hơn

Cập nhật KQKD

Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho).

Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền -> nợ xấu)

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express TNG 2019Q4

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Hồi phục

[Link](#)

FPT_Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_Hồi phục

[Link](#)

HPG_Tăng giá

[Link](#)

NVL_Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 22/1/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 22/1	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	58.40	-0.06%	0.97%	-3.34%	10.98%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	64.59	0.01%	0.89%	-1.38%	5.61%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.65	-0.01%	-0.50%	-4.00%	19.28%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1559.25	0.00%	0.22%	4.96%	21.63%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.78	-0.05%	-1.38%	1.84%	15.81%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	915.27	-1.38%	-2.75%	-3.00%	0.03%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	580.53	1.39%	2.15%	7.35%	10.37%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.03	0.12%	0.53%	-12.08%	21.73%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	168.20	-0.53%	-5.08%	-3.50%	-18.15%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.55	0.69%	1.61%	8.18%	12.53%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	2.51	0.00%	-10.36%	0.40%	-19.29%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	111.05	-0.98%	-3.35%	-11.37%	7.45%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.79	-2.05%	-2.75%	-0.83%	3.67%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3702.00	0.22%	-2.60%	-1.04%	0.52%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1812.00	0.39%	0.78%	0.44%	-3.77%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	96.50	0.52%	3.21%	4.89%	29.01%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	70.27	-0.96%	-6.72%	3.34%	-29.34%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent giảm 20 US cent xuống 64,59 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giảm 20 US cent xuống 58,38 USD/thùng.
- Giá dầu giảm trong phiên vừa qua, phớt lờ tình hình ở Libya, do dự báo thị trường thế giới sẽ dồi dào nguồn cung, trong đó có sản lượng của Mỹ cao kỷ lục. Bất cứ sự gián đoạn nguồn cung nào cũng có thể được bù đắp nhanh chóng bởi sản lượng của Tổ chức các nước Xuất khẩu dầu mỏ (OPEC), làm hạn chế tác động tới thị trường dầu mỏ toàn cầu. Công suất dự phòng của OPEC hiện đạt trên 3 triệu thùng/ngày. Tại Mỹ, sự bùng nổ của dầu đá phiến đã khiến sản lượng đạt mức cao kỷ lục 13 triệu thùng/ngày, theo số liệu Chính phủ nước này đưa ra vào tuần trước. Sản lượng dầu và khí của

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0,2% xuống 1.558,6 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 2/2020 giảm 0,2% xuống 1.557,9 USD/ounce.
- Giá vàng đã giảm 1% trong phiên vừa qua trong bối cảnh giao dịch nhiều biến động do các nhà đầu tư bán kiếm lời sau khi giá đạt mức cao nhất 2 tuần vào đầu phiên. Tuy nhiên, mức giảm được hạn chế bởi giá cổ phiếu cũng giảm do thị trường lo ngại về dịch bệnh do virus ở Trung Quốc giữa bối cảnh mối lo về căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông vẫn còn đó.

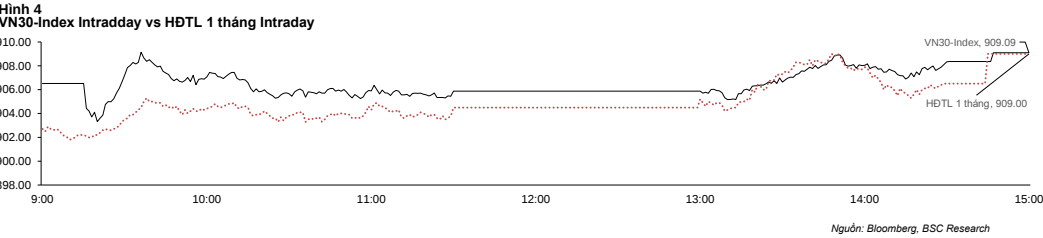
Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 đã tăng 0,7% (10 US cent) lên 14,55 US cent/lb vào cuối phiên vừa qua, đầu phiên có lúc đạt 14,59 US cent – cao nhất 2 năm. Đường trắng giao cùng kỳ hạn cũng tăng 0,2% (0,8 USD) lên 399,5 USD/tấn. Thị trường tiếp tục được thúc đẩy bởi nguồn cung khan hiếm. Dự báo mức thiếu hụt trong niên vụ 2019/20 tiếp tục được điều chỉnh tăng, trong khi vụ thu hoạch ở cả Ấn Độ và Thái Lan đều bị chậm lại.
- Cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 1% (1,1 US cent) xuống 1,1105 USD/lb vào cuối phiên. Lượng arabica lưu trữ trên sàn New York đang tăng lên. Cà phê Robusta cũng kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 2,3%, hay 30 USD, lên 1,335 USD/tấn.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 6/2020 trên sàn TOCOM giảm 8,4 JPY, tương đương 4,2%, xuống 193 JPY (1,76 USD)/kg, mức giảm nhiều nhất kể từ tháng 3/2018. Trên sàn Thượng Hải, giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 giảm 345 CNY xuống 12.620 CNY (1.827 USD)/tấn. Giá cao su tại Tokyo giảm trên 4% trong phiên vừa qua, nhiều nhất trong vòng 22 năm, do lo ngại kinh tế Trung Quốc có thể sa sút hơn nữa do dịch cúm bởi virus lạ.
- Với hàng triệu người dân Á đi du lịch trong dịp Tết Nguyên đán, các nhà lãnh đạo Trung Quốc xác nhận virus lạ có thể lan nhanh. Được biết đã có 15 nhân viên y tế bị nhiễm virus này và đã có 4 ca tử vong vì virus này.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2002	909.00	0.75%	-0.09	1.5%	64281	2/20/2020	24
VN30F2003	907.10	0.77%	-1.99	-23.4%	151	3/19/2020	52
VN30F2006	908.00	0.61%	-0.09	-27.0%	65	6/18/2020	143
VN30F2009	909.70	n/a	0.61	n/a	30	9/17/2020	234

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +2.57 điểm lên mức 909.09 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VHM, FPT, TCB, và BID tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian vận động tích lũy quanh vùng 905-908 điểm. Thanh khoản giữ tại mức tích cực, VN30 có thể kiểm tra 911 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn tới dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVPB2001	HSC	6/22/2020	152	2:1	200	n/a	5.0 triệu	0.00%	1,500	2,630	42.93%	-	
CHPG2001	HSC	6/30/2020	160	2:1	38,450	n/a	5.0 triệu	0.00%	1,800	2,480	22.17%	191.10	12.98
CVRE1902	HSC	4/8/2020	77	4:1	155,700	339.3%	5.0 triệu	22.37%	1,300	850	13.33%	-	
CVHM1902	SSI	4/22/2020	91	1:1	49,950	59.0%	1.0 triệu	21.56%	18,600	11,780	11.87%	159.00	74.09
CMBB2001	HSC	6/22/2020	152	2:1	118,510	n/a	5.0 triệu	0.00%	1,600	1,900	10.47%	2,238.20	0.85
CMWG2001	HSC	6/22/2020	152	10:1	63,910	n/a	5.0 triệu	0.00%	1,700	2,040	9.68%	696.80	2.93
CHPG1909	KIS	5/15/2020	114	2:1	454,670	6.4%	5.0 triệu	24.98%	1,800	1,900	6.74%	944.40	2.01
CVNM1905	MBS	4/28/2020	97	10:1	123,840	12.5%	1.5 triệu	17.81%	2,500	1,200	3.45%	-	
CTCB1902	VND	6/5/2020	135	1:1	132,810	-66.6%	2.0 triệu	21.44%	5,300	4,510	2.27%	4,858.10	0.93
CFPT1906	HSC	4/8/2020	77	5:1	167,070	-69.0%	5.0 triệu	21.20%	1,700	1,000	1.01%	2,913.60	0.34
CVNM1906	VND	3/5/2020	43	2:1	40,780	-20.6%	1.0 triệu	17.81%	8,100	5,660	0.00%	-	
CVJC1902	SSI	4/22/2020	91	1:1	5,600	-29.1%	1.0 triệu	13.69%	27,900	25,900	-0.65%	55.10	470.05
CFPT1908	MBS	6/17/2020	147	3:1	201,670	44.3%	2.4 triệu	21.20%	3,150	2,780	-0.71%	5,871.10	0.47
CMBB1905	HSC	4/8/2020	77	2:1	135,270	-31.5%	5.0 triệu	18.03%	1,700	940	-1.05%	49.40	19.03
CMBB1903	SSI	4/22/2020	91	1:1	169,920	158.2%	3.0 triệu	18.03%	4,000	2,450	-1.61%	438.50	5.59
CREE1905	MBS	6/17/2020	147	3:1	522,790	80.8%	2.4 triệu	22.44%	2,150	2,000	-2.44%	0.10	20,000.00
CVNM1903	SSI	4/22/2020	91	1:1	12,350	-22.2%	1.0 triệu	17.81%	26,600	14,900	-2.87%	2,817.10	5.29
CFPT1905	SSI	4/22/2020	91	1:1	137,490	47.6%	1.0 triệu	21.20%	9,900	5,550	-3.14%	4,390.30	1.26
CVPB1901	VND	3/5/2020	43	1:1	33,550	-94.9%	2.0 triệu	22.00%	3,500	5,560	-3.30%	-	
CVNM2001	HSC	6/22/2020	152	10:1	149,770	n/a	5.0 triệu	0.00%	1,700	1,670	-4.57%	-	
CVNM1904	HSC	4/8/2020	77	10:1	254,640	404.5%	5.0 triệu	17.81%	1,900	700	-6.67%	4,014.00	0.17
CMSN1902	KIS	5/15/2020	114	5:1	200,060	1233.7%	2.0 triệu	26.62%	1,640	540	-8.47%	2,123.30	0.25
CFPT2001	HSC	6/22/2020	152	5:1	8,610	n/a	5.0 triệu	0.00%	1,600	1,380	-13.75%	93.70	14.73
CGMD2001	HSC	6/22/2020	152	4:1	6,790	n/a	5.0 triệu	0.00%	1,000	560	-38.46%	4,352.30	0.13
Tổng:					3,169,000		60.30 triệu	15.73%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 22/1/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm, trái chiều cùng chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.

- Về giá, CVPB2001 và CHPG2001 tăng mạnh nhất lần lượt là 42.93% và 22.17%. Trái lại, CGMD2001 và CFPT2001 giảm mạnh nhất lần lượt là -38.46% và -13.75%. Thanh khoản thị trường giảm -9.22%. CREE1905 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.17% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG, TCB và VHM, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVJC1902 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2001 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	26.30	1.74	1.03
VHM	89.40	2.17	0.98
FPT	56.50	1.80	0.75
TCB	24.20	0.62	0.47
BID	55.50	2.78	0.42

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	53.4	-2.02	-0.71
MWG	119.2	-0.67	-0.32
MBB	22.4	-0.67	-0.29
VCB	93.4	-0.64	-0.25
VJC	146.5	-0.34	-0.18

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2001	23,000	20,000	23,600
CHPG2001	27,600	24,000	26,300
CVRE1902	37,700	32,500	32,600
CVHM1902	103,600	85,000	89,400
CMBB2001	24,200	21,000	22,400
CMWG2001	132,000	115,000	119,200
CHPG1909	28,280	24,680	26,300
CVNM1905	150,725	125,725	121,300
CTCB1902	26,300	21,000	24,200
CFPT1906	65,500	57,000	56,500
CVNM1906	130,225	114,025	121,300
CVJC1902	157,900	130,000	146,500
CFPT1908	63,450	54,000	56,500
CMBB1905	26,400	23,000	22,400
CMBB1903	26,000	22,000	22,400
CREE1905	41,050	34,600	37,000
CVNM1903	145,580	118,980	121,300
CFPT1905	64,900	55,000	56,500
CVPB1901	21,500	18,000	23,600
CVNM2001	137,000	120,000	121,300
CVNM1904	152,000	133,000	121,300
CMSN1902	86,089	77,889	53,400
CFPT2001	64,000	56,000	56,500
CGMD2001	29,000	25,000	21,550

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	119.2	-0.7%	0.8	2,349	2.4	8,321	14.3	4.7	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	91.3	0.3%	1.0	894	2.8	5,327	17.1	4.5	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	67.0	1.7%	1.2	2,162	0.4	1,889	35.5	3.0	29.5%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	32.4	0.6%	0.7	326	0.0	2,859	11.3	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	114.9	0.0%	1.1	16,897	1.9	1,589	72.3	4.9	14.8%	7.8%
VRE	Bất động sản	32.6	0.0%	1.1	3,221	1.3	1,033	31.6	2.7	33.0%	8.8%
NVL	Bất động sản	56.0	0.0%	0.8	2,361	0.7	3,187	17.6	2.5	7.0%	15.5%
REE	Bất động sản	37.0	-0.8%	1.1	499	1.6	5,614	6.6	1.2	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	13.1	1.6%	1.4	297	0.6	2,849	4.6	0.8	45.4%	25.9%
SSI	Chứng khoán	19.3	0.3%	1.4	426	1.4	1,708	11.3	1.0	55.2%	9.4%
VCI	Chứng khoán	28.6	-1.0%	1.0	204	0.1	4,218	6.8	1.2	36.1%	18.0%
HCM	Chứng khoán	22.2	1.1%	1.4	295	0.8	1,421	15.6	1.6	56.5%	11.7%
FPT	Công nghệ	56.5	1.8%	0.9	1,666	7.6	4,688	12.1	2.8	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	40.6	-7.7%	0.4	439	0.0	4,156	9.8	2.5	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	94.9	0.0%	1.6	7,897	0.7	6,096	15.6	3.7	3.6%	25.5%
PLX	Dầu khí	57.3	0.7%	1.5	2,967	1.0	3,467	16.5	3.1	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	18.3	0.0%	1.6	380	1.1	2,062	8.9	0.7	21.4%	8.5%
BSR	Dầu khí	8.4	-1.2%	0.8	1,132	0.8	1,163	7.2	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	88.0	-0.3%	0.6	500	0.2	4,535	19.4	3.6	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	12.6	-0.4%	0.7	214	0.2	650	19.4	0.6	18.9%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.1	2.2%	0.6	140	0.0	625	9.7	0.5	2.4%	5.5%
VCB	Ngân hàng	93.4	-0.6%	1.2	15,061	3.6	5,004	18.7	4.0	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	55.5	2.8%	1.5	9,705	1.9	2,109	26.3	3.4	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	25.6	1.2%	1.6	4,144	5.3	2,541	10.1	1.3	29.7%	8.5%
VPB	Ngân hàng	23.6	0.2%	1.2	2,501	2.8	3,379	7.0	1.4	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	22.4	-0.7%	1.1	2,265	4.9	3,261	6.9	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	24.5	0.0%	1.1	1,765	1.7	3,686	6.6	1.6	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	45.4	0.0%	0.8	162	0.0	5,165	8.8	1.5	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	31.8	0.0%	0.3	136	0.0	4,167	7.6	1.2	20.4%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.0	0.0%	1.2	645	0.0	732	20.5	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	26.3	1.7%	0.9	3,157	10.1	2,526	10.4	1.6	38.4%	17.4%
HSG	Thép	9.0	5.0%	1.7	165	3.4	1,161	7.7	0.7	17.8%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	121.3	0.2%	0.7	9,184	4.2	5,527	21.9	7.7	58.7%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	232.5	-0.2%	0.8	6,483	0.1	7,477	31.1	8.3	63.3%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	53.4	-2.0%	1.1	2,714	1.3	4,512	11.8	1.9	39.2%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.6	0.8%	0.6	474	1.1	440	42.3	1.5	6.3%	3.5%
ACV	Vận tải	69.0	-1.3%	0.8	6,531	0.2	2,630	26.2	4.9	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	146.5	-0.3%	1.1	3,337	2.3	9,850	14.9	5.7	19.6%	43.3%
HVN	Vận tải	32.8	0.2%	1.7	2,023	0.2	1,747	18.8	2.6	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	21.6	0.7%	0.8	278	0.4	1,949	11.1	1.0	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	14.8	-0.7%	0.6	181	0.3	2,571	5.8	1.0	32.0%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	69.0	2.2%	1.1	480	0.5	8,824	7.8	3.2	2.2%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.3	1.4%	0.8	356	0.1	1,398	13.1	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.9	0.0%	0.9	247	0.0	1,953	7.6	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	53.4	0.8%	0.9	177	0.3	8,858	6.0	0.5	47.2%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.7	-0.4%	1.1	494	0.1	1,557	16.5	1.7	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	25.5	-1.5%	0.4	275	0.2	1,845	13.8	1.2	51.2%	8.8%
POW	Điện	11.1	1.8%	0.6	1,130	0.9	820	13.5	1.1	13.5%	7.8%
NT2	Điện	19.1	1.6%	0.6	238	0.1	2,577	7.4	1.3	18.6%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	89.40	2.17	1.85	673070.00
BID	55.50	2.78	1.76	781390.00
HPG	26.30	1.74	0.36	8.92MLN
CTG	25.60	1.19	0.33	4.75MLN
BVH	67.00	1.67	0.24	156250.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	7.70	4.05	0.33	5.60MLN
NDN	16.80	7.69	0.06	217200.00
TNG	16.70	7.74	0.05	1.41MLN
VCS	69.00	2.22	0.05	176100.00
DL1	30.50	2.35	0.03	100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	93.40	-0.64	-0.65	877710.00
MSN	53.40	-2.02	-0.38	540210.00
MBB	22.40	-0.67	-0.10	4.99MLN
MWG	119.20	-0.67	-0.10	460240.00
SAB	232.50	-0.21	-0.09	11510.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	9.00	-2.17	-0.08	2.28MLN
PVX	1.10	-8.33	-0.02	113800.00
SJ1	20.00	-9.91	-0.02	200.00
IDJ	8.70	-4.40	-0.01	489500.00
AMV	18.80	-2.08	-0.01	125700.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VDS	7.49	7.00	0.01	3090.00
ST8	16.10	6.98	0.01	10.00
KPF	24.60	6.96	0.01	1000.00
ABT	33.15	6.94	0.01	10.00
VRC	6.63	6.94	0.01	3.90MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	25.0	0.00	212700.00
BII	0.90	12.5	0.00	734200.00
SPI	0.90	12.5	0.00	70600.00
KVC	1.10	10.0	0.01	111800.00
PMS	13.20	10.0	0.00	3400.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ICT	15.95	-7.00	-0.01	5560.00
CDC	15.35	-6.97	-0.01	10.00
PIT	3.35	-6.94	0.00	10.00
CLG	2.96	-6.92	0.00	47800.00
AGF	3.99	-6.78	0.00	8150.00

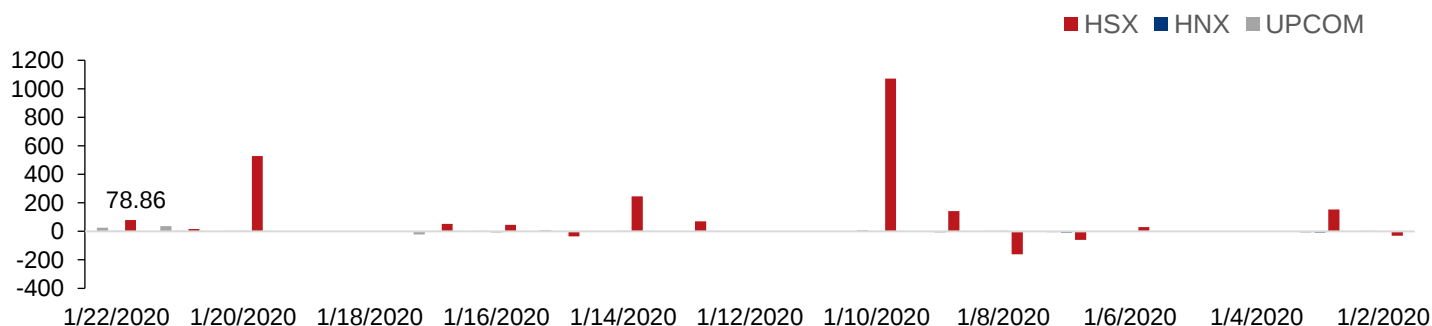
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.70	-12.50	-0.01	407600.00
DST	0.90	-10.00	0.00	266700.00
KSD	6.30	-10.00	0.00	100.00
SJ1	20.00	-9.91	-0.02	200.00
VTM	7.50	-9.64	-0.01	800.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
13	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
14	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
15	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
20	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	27.7	5,020	5.5	1.3	Click
2	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	91.3	5,327	17.1	4.5	Click
3	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	14.8	2,571	5.8	1.0	Click
4	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	166.7	29,035	5.7	4.5	Click
5	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	15.0	0	14.0	0.5	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	119.2	8,321	14.3	4.7	Click
7	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	24.5	3,686	6.6	1.6	Click
8	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.6	2,736	4.6	0.8	Click
9	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	24.2	2,881	8.4	1.4	Click
10	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	115.0	6,216	18.5	7.0	Click
11	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	93.4	5,004	18.7	4.0	Click
12	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	29.9	7,028	4.3	1.6	Click
13	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	56.5	4,688	12.1	2.8	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	25.8	3,897	6.6	1.2	Click
15	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	18.4	2,246	8.2	0.9	Click
16	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	33.3	2,846	11.7	0.6	Click
17	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	53.4	4,512	11.8	1.9	Click
18	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	121.3	5,527	21.9	7.7	Click
19	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.5	3,700	5.8	1.5	Click
20	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	79.0	93.5	37.0	5,614	6.6	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn